

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 117/2023/DS-PT
Ngày: 29 – 9 - 2023
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Dũng**

bà **Phan Thị Lan**

Thư ký phiên tòa: bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 12/5/2023 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1939; Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Do bà Võ Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu dân cư S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 06/5/2021.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

+ Luật sư Lê Hữu P – Công ty L1 và Cộng sự; Địa chỉ: Số I N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T10 tỉnh Quảng Nam.

- **Bị đơn:** Bà **Võ Thị Thu T1**, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Phan Đình N – Văn phòng L2

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Võ Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số A D, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông Võ Văn T3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số B M, Tổ A, Khu phố B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do bà Võ Thị Thu T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 17/6/2021.

- Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị C;

- Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Chồng của bà là ông Võ Đ đã chết năm 1996, bà có các người con gồm: Bà Võ Thị H1, ông Võ T4, bà Võ Thị M, bà Võ Thị T5 và bà Võ Thị V. Về gia đình ông Võ N1 có: Ông Võ N1 (đã chết năm 2011, có vợ là bà Quách Thị T6 đã chết năm 2014). Ông N1 bà T6 có các con gồm: Bà Võ Thị H, ông Võ Văn T2, ông Võ Văn T3 và bà Võ Thị Thu T1.

Bà C được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất diện tích 2.427m² tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, nay là thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, theo Giấy CNQSD đất số C 8818873. Trong đó có thửa đất số 103, tờ bản đồ số 8, diện tích 850m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài. Gia đình bà đã xây dựng nhà cửa và sinh sống ổn định trên thửa đất này từ đó đến nay. Ngoài ra bà còn san lấp thêm một phần diện tích đất hố bom, nhưng chưa cập nhật đăng ký với Cơ quan nhà nước. Đến năm 2019 bà vào thành phố H thăm và ở với con trong thời gian 02 tháng, lúc đó gia đình bà không có ai ở nhà. Ông Võ N1 và bà Quách Thị T6 xây dựng nhà và rào phía sau, lấn chiếm sang phần đất của bà ước khoảng 50m². Hiện nay đất này do bà Võ Thị Thu T1 sử dụng, quản lý. Do bà già yếu, không biết, khi các con của bà về thăm chơi thì phát hiện đất của gia đình bà bị lấn chiếm. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà T1 tháo dỡ hàng rào trả lại phần đất lấn chiếm của bà.

Đại diện theo ủy quyền của bà C, bà Võ Thị M trình bày: Về nội dung đơn kiện của bà Nguyễn Thị C bà không có thay đổi gì, bà M yêu cầu Hội đồng xét xử: buộc bà Võ Thị Thu T1 trả lại cho mẹ bà phần diện tích bà T1 lấn chiếm phía T, thuộc thửa đất số 102 của mẹ bà với diện tích là 10,3m². Bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Thu T1 cho rằng mẹ bà lấn 49m² đất, vì mẹ bà rào bờ rào trên phần đất mà trước đây nhà bà T1 đã lấn chiếm đất của mẹ bà.

Bà M không chấp nhận việc bà T1 không cho đi con đường vào thửa đất của bà C, vì đây là đường công cộng thuộc quản lý của chính quyền địa phương.

Bà Mến yêu c Tòa án buộc bà T1 trả lại cho bà C diện tích đã lấn chiếm là 10,3m² theo kết quả đo đạc của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập.

Theo đơn yêu cầu phản tố bà Võ Thị Thu T1 trình bày: Nguồn gốc đất của gia đình bà được Nhà nước cấp cho ba mẹ bà là ông Võ N1 và bà Quách Thị T6, theo Giấy CNQSD đất số C 881815, là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 8, diện tích 800m² do UBND huyện Đ cấp. Do không có người ở thường xuyên, nên gia đình bà Nguyễn Thị C bên cạnh, đã lấn chiếm hàng rào nhà bà ở. Phía trước nhà hướng

N và phía sau nhà về hướng B là con đường đi chung của nhà ông N1 và nhà bà C, diện tích lần chiếm khoảng 49m². Gia đình bà đã yêu cầu bà C tháo dỡ hàng rào trả lại diện tích đất đã lần chiếm, nhưng bà C hứa hẹn mà không dỡ. Nay bà yêu cầu Tòa giải quyết: buộc bà Nguyễn Thị C trả lại cho gia đình bà diện tích đất đã lần chiếm là 49m². Trong đó diện tích đất lần phía trước (phía Nam) khoảng 40m² (40m x 1m) và trả lại phần diện tích đất con đường đi chung phía sau (phía Bắc) 9m² (15m x 0,6m).

- Không chấp nhận cho bà C tiếp tục sử dụng lối đi phía trước ngõ, đường vào thửa đất bà C (khoảng 24m²).

- Đền bù vật liệu xây dựng đã bị thất thoát và bị mất cát 04m³, gạch 1000 viên do bà C không cho bà T1 tiến hành xây dựng hàng rào.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T1 rút yêu cầu buộc bà C đền bù cát 04m³ và gạch 1000 viên gạch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T2 trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của bà Võ Thị Thu T1 và không có gì bổ sung thêm. Theo ông bản đồ 64/CP thì ranh giới giữa 2 thửa đất 102 và 103 là một đường thẳng, và thực tế ông biết ranh giới giữa 2 vườn trước đây cũng là đường thẳng, chứ không phải như hiện trạng đo đạc hiện nay. Đề nghị Tòa án xem xét căn cứ vào bản đồ 64/CP và kết quả đo đạc của Công ty Cổ phần Đ2 để xem xét giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C ông Lê Hữu P trình bày:

Tại Công văn số 81/CNVPĐK ngày 06/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ3 về việc trả lời Công văn số 100/CV-TA ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà T1 trả lại cho bà C phần diện tích bà T1 lần chiếm phía T thửa đất 102 với diện tích là 10,3m² không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T1 và không chấp nhận kết quả đo đạc của Công ty Cổ phần Đ2 và Công ty cổ phần A. Vì cả hai Công ty đều có Công văn trả lời số liệu đo đạc chỉ mang tính chất tham khảo.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1, ông Phan Đình N trình bày:**

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Võ Thị Thu T1 hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C phần chồng lấn ở phía Tây Bắc diện tích đất không vượt quá 14,5m².

Về diện tích bị xâm lấn của thửa 102 ở phía Đ: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà C tháo dỡ phần tường rào đã làm trên thửa đất 102 và hoàn trả cho bà Võ Thị Thu T1 diện tích chồng lấn, từ ranh giới thửa đất theo bản đồ 64/CP đến ranh giới hiện trạng thửa đất giữa 2 nhà là 43,6m².

Với nội dung như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các điều 147, 203, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, Điều 174, Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xác định đường ranh giới giữa thửa đất 102 và thửa đất 103 là đoạn thẳng, được nối giữa 2 điểm, điểm cuối của cạnh phía Nam dài 13m (khoảng cách giữa 2

cạnh Đ1 và T7) của thửa đất 102 và điểm cuối của cạnh phía Bắc dài 14,35m của thửa đất 102.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị C buộc bà Võ Thị Thu T1 (người đang quản lý thửa đất của ông Võ N1) tháo dỡ hàng rào và chặt cây trên đất, trả lại cho bà C diện tích đất 14,5m² ở phía Tây Bắc của thửa đất 103 của bà C (có sơ đồ kèm theo).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Thu T1 buộc bà Nguyễn Thị C tháo dỡ tường rào và bê tông trên đất, trả lại cho bà T1, diện tích đất 29,4m² ở phía Đông Nam thửa đất 102 của ông Võ N1 (có sơ đồ kèm theo).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà T1 buộc bà C trả lại con đường đi chung phía sau 9m² (15m x 0,6m).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà T1 về việc không cho bà C tiếp tục sử dụng lối đi phía Nam đường vào thửa đất bà C (khoảng 24m²). Vì theo Bản đồ 64 và Công văn trả lời của Chi nhánh Văn phòng Đ3 đây là con đường đi chung ở địa phương.

- Đình chỉ yêu cầu của bà T1 buộc bà C bồi thường 4m³ cát và 1.000 viên gạch.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/5/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 09/6/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định kháng nghị số 17/QĐ-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo mà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ kiện.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày về nội dung kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 12/5/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; Ngày 09/6/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo và kháng nghị nêu trên là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm là đúng theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt một số người, nhưng những người này đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng nghị đối với nội dung Tòa sơ thẩm thụ lý Đơn khởi kiện, khi chưa có hòa giải của UBND xã Đ, Hội đồng xét xử xét: Do có tranh chấp trong việc làm hàng rào ngăn cách giữa 02 thửa đất, nên bà Nguyễn Thị C có đơn khiếu nại gửi UBND xã Đ. Sau khi có Đơn tường trình của bà Võ Thị Thu T1 và ngày 20/01/2021 UBND xã Đ tiến hành giải quyết đơn khiếu nại tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị C và bà Võ Thị Thu T1. Theo Biên bản lập ngày 20/01/2021, thành phần tham gia giải quyết đại diện UBND xã Đ có: Ông Tăng Tấn T8, Phó Chủ tịch UBND xã, ông Trần Duy B1, Trưởng Công an xã, ông Nguyễn Duy M1, cán bộ địa chính, xây dựng, ông Nguyễn Ngọc A, Tư pháp, hộ tịch xã có sự tham gia của bà Nguyễn Thị C và bà Võ Thị Thu T1. Trong quá trình hòa giải, bà C và bà T1 cũng đã thỏa thuận được phần đất từng người được quản lý sử dụng và được ghi cụ thể trong Biên bản giải quyết. Tuy nhiên, sau đó bà Nguyễn Thị C đã thay đổi, không thống nhất với nội dung đã thỏa thuận và làm đơn khởi kiện bà Võ Thị Thu T1 ra Tòa án. Tại Công văn số 33/UBND-VP ngày 29/6/2023 UBND xã Đ đã cung cấp thông tin: UBND xã Đ năm 2021 nhận đơn khiếu nại về tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C. UBND xã Đ đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, hai bên tiếp tục tranh chấp. UBND xã Đ hướng dẫn đương sự gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền. Tại Tòa án sơ thẩm, sau khi nhận Hồ sơ khởi kiện Tòa án nhân dân huyện Đ có Thông báo số 172/TB-TA ngày 02/6/2021 gửi nguyên đơn yêu cầu: lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên, nhưng nguyên đơn không đồng ý hòa giải, nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý Đơn khởi kiện là đủ điều kiện khởi kiện.

Xét kháng cáo và kháng nghị:

[2.2] Đối với nội dung bản án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét:

Mặc dù, tại Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án: Buộc bà Võ Thị Thu T1 tháo dỡ hàng rào và giao lại 50m² đất lấn chiếm cho bà, nhưng sau khi có sơ đồ bản vẽ Công văn số 81/CNVPĐK ngày 06/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ3 và tại các phiên tòa sơ thẩm ngày 26/4/2023 và ngày 12/5/2023 đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C bà Võ Thị M chỉ

yêu cầu Tòa án: Buộc bị đơn bà Võ Thị Thu T1 trả lại diện tích 10,3m² đất, của thửa đất số 103, phía T. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị C buộc bà Võ Thị Thu T1 (*người đang quản lý thửa đất của ông Võ N1*) tháo dỡ hàng rào và chặt cây trên đất, trả lại cho bà C diện tích 14,5m² đất ở phía T của thửa đất 103 của bà C là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam về nội dung này.

[2.3] Đối với nội dung bản án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị C tháo dỡ tường rào và bê tông trên đất, trả lại cho bà T1, diện tích 29,4m² đất ở phía Đông Nam thửa đất 102 của ông Võ N1, Hội đồng xét xử xét:

Tại Mạnh trích đo địa chính số 01-2023 do Văn phòng Đ4 lập ngày 25/8/2023 có sự tham gia của các đương sự thể hiện:

Phần diện tích từ bờ chắn nước do bà Nguyễn Thị C xây đến hàng rào B40 do bà Nguyễn Thị C rào năm 2019 là 14,8m² đất. Mặc dù, các cơ quan chuyên môn không xác định được phần diện tích 14,8m² đất tranh chấp nằm ở thửa nào. Tuy nhiên, các chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có mặt đều thừa nhận: Trước khi chôn trụ bê tông và kéo lưới B40 làm hàng rào năm 2019 và xảy ra tranh chấp, bà Nguyễn Thị C đã đổ bê tông lối đi từ đường công cộng vào nhà bà C và xây bờ chắn ranh giới giữa 02 thửa đất số 102 và 103 dài hơn 30m. Phần diện tích 14,8m² đất tranh chấp, bà C không có chứng cứ chứng minh, thuộc quyền sử dụng của bà C. Từ trước tới khi tự ý chôn trụ bê tông và kéo lưới B40 làm hàng rào năm 2019, bà C không quản lý sử dụng và không có tài sản trên đất. Gia đình bà Võ Thị Thu T1 được cấp 800m² đất, hiện đang quản lý sử dụng 790,9m² đất, thiếu 9,1m² đất so với diện tích được cấp. Nên việc bà C tự ý chôn trụ bê tông và kéo lưới B40 làm hàng rào năm 2019 diện tích 14,8m² đất là không đúng pháp luật. Nên bản án sơ thẩm xử buộc bà Nguyễn Thị C tháo dỡ tường rào và bê tông trên đất, trả lại cho bà T1, diện tích 14,8m² đất ở phía Đông Nam thửa đất 102 của ông Võ N1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với phần diện tích còn lại (*từ bờ chắn nước do bà Nguyễn Thị C xây trước khi tranh chấp đến phần được bản án sơ thẩm chấp nhận và bà T1 không kháng cáo*) (29,4m² - 14,8m²) là 14,6m² đất, Hội đồng xét xử xét: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có mặt đều thừa nhận: Phần diện tích 14,6m² đất là một phần của lối đi từ đường công cộng vào nhà bà C được đổ bê tông và xây bờ chắn ranh giới giữa 02 thửa đất số 102 và 103 dài hơn 30m đã được bà C sử dụng từ trước khi tranh chấp. Phần diện tích 14,6m² đất tranh chấp, bà T1 không có chứng cứ chứng minh, thuộc quyền sử dụng của gia đình bà T1. Từ trước tới nay, gia đình bà T1 không quản lý sử dụng và không có tài sản trên đất. Nhưng bản án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị C tháo dỡ lối đi và bờ chắn ranh giới trả lại diện tích 14,8m² đất cho gia đình bà T1 là không có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử, chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa bản án sơ thẩm đối với diện tích đất này.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu phản tố chỉ được chấp nhận một phần, nên bà Võ Thị Thu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được miễn, vì là người cao tuổi.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp phúc thẩm 5.000.000 đồng: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bà Võ Thị Thu T1 phải chịu và hoàn trả cho bà C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điều 147, 203, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, Điều 174, Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” đối với bị đơn bà Võ Thị Thu T1.

Buộc bà Võ Thị Thu T1 (*người đang quản lý thửa đất của ông Võ N1*) tháo dỡ hàng rào và chặt cây trên đất, trả lại diện tích 10,3m² đất tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị C (*có Mạnh trích đo địa chính số 01-2023 do Văn phòng Đ4 lập ngày 25/8/2023 kèm theo*).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Võ Thị Thu T1 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị C tháo dỡ các trụ bê tông và hàng rào B40 hiện có trên đất, trả lại diện tích 14,8m² đất tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cho gia đình bà Võ Thị Thu T1 (*có Mạnh trích đo địa chính số 01-2023 do Văn phòng Đ4 lập ngày 25/8/2023 kèm theo*).

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Võ Thị Thu T1 về việc: Buộc bà Nguyễn Thị C tháo dỡ lối đi và bờ chắn ranh giới hiện có trên đất, trả lại diện tích 21,4m² đất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Thu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*phần bà Nguyễn Thị C kiện được chấp nhận*).

+ Bà Võ Thị Thu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (*phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận*) là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T1 đã nộp theo phiếu thu số 0003617 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và đo vẽ tại cấp phúc thẩm: Bà Võ Thị Thu T1 phải chịu và hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Thịnh

